TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 8 năm 2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Dương Thanh Bình
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang - Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Huệ – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2017 việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 8năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: anh Trần Văn N – sinh năm: 1979 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã DĐ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt)
***Bị đơn:** chị Lương Thị L- sinh năm: 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã DĐ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2017, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh kết hôn với chị Lương Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DĐ, huyện Lạng Giang ngày 15/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong nhiều năm, đến giữa năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ban đầu do mâu thuẫn giữa chị L và mẹ của anh, khi mẹ anh đến ở cùng, chị L có những hành vi, cư xử không đúng mực với bố, mẹ chồng và anh, chị em chồng, anh và mọi người trong gia đình khuyên bảo nhưng chị L không nghe. Bên cạnh đó, chị L không chịu chăm lo, thu vén gia đình, dạy các con học tập khi anh đi làm ăn xa, do đó vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, anh đã chán nản không muốn về nhà, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài cho đến nay không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân, do không thể tiếp tục chung sống nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Lương Thị L ly hôn.

Về con chung: anh và chị L có hai con chung là Trần Văn L, sinh ngày 07/8/2003 và Trần Văn Q, sinh ngày 10/8/2011, cả hai con đều khỏe mạnh, vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi cả hai con và yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo mức là 500.000 đồng/01 con/tháng.

Về tài sản, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lương Thị L tại bản tự khai ngày 16/02/2017 và các lời khai tiếp theo trình bày: Chị và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã DĐ, huyện Lạng Giang ngày 15/01/2002 và tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên theo phong tục, tập quán. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013, khi mẹ chồng đến ở cùng thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng giữa mẹ chồng con dâu, anh N không hỏi rõ sự việc mà bênh mẹ quay ra chửi mắng vợ, sau đó mẹ chồng chị chuyển đi thì tình cảm vợ chồng lại bình thường. Năm 2013, chị ra Hà Nội chơi với anh N, có người nói anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, chị hỏi thì anh N mắng chị, đuổi chị về, kể từ đó mỗi lần anh N về thăm nhà đều kiếm cớ gây sự, chửi bới, đánh, đuổi chị đi, anh còn nói đã có con riêng bên ngoài và ép chị thừa nhận đứa con đó. Trong thời gian qua, anh N đi làm xa, thỉnh thoảng khi có việc mới về, khi đó vợ chồng vẫn cư xử bình thường, nhưng ít nói chuyện. Chị nhận thấy chị không có lỗi gì, mâu thuẫn là do tự anh N kiếm cớ, gây sự, anh N xin ly hôn là để chung sống với người phụ nữ khác, do đó chị kông nhất trí ly hôn.

Về con chung, vợ chồng chị có hai con như anh N trình bày, nếu anh N kiên quyết ly hôn chị xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng theo mức 1.500.000 đồng/01 con/01 tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh N có tài sản chung gồm 01 thửa đất ở thôn Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên anh N, trên đất xây một ngôi nhà hai tầng khoảng 80m^2, 01 nhà bếp, chuồng lợn, tường, cổng, sân; có 01 con bò; 01 xe mô tô Sunfat cũ chị sử dụng, 01 xe nhãn hiệu Airblade anh N sử dụng; 01 tủ ba buồng; 01 bộ bàn ghế; 02 giường cùng các đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình. Anh N có đưa cho ông Trần Đăng D (bố chồng chị) cầm hộ 40 triệu đồng; cho anh Th ở xóm Thị vay 05 chỉ vàng; cho anh Trần Văn S (em anh N) vay 50 triệu đồng khi làm nhà. Chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, Tòa án đã hướng dẫn việc làm đơn khởi kiện chia tài sản chung và nhưng đến nay chị không nộp đơn, không có tiền để nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn N xác định vợ chồng mâu thuẫn từ 2014, đến nay đã trầm trọng, kéo dài, không còn tình cảm nên vẫn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, cho anh được nuôi cả hai con và yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lương Thị L xác định vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã sống ly thân và anh N không có trách nhiệm với vợ con, nhưng vì hai con chị không nhất trí ly hôn, nếu anh N kiên quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật, chị yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chị có yêu cầu xem xét về tài sản, đã

được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ nhưng đến nay chị không làm đơn yêu cầu chia tài sản vì không có tiền nộp tạm ứng án phí.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Kiểm sát viện đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 56, điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 29/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị xử cho anh Trần Văn N và chị Lương Thị L ly hôn, đề nghị giao cho anh N nuôi con Trần Văn Q, sinh ngày 10/8/2011, giao cho chị L nuôi con Trần Văn L sinh ngày 07/8/2003, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh N không yêu cầu, chị Lương Thị L có yêu cầu xem xét nhưng không làm đơn khởi kiện, không nộp tạm ứng án phí, không giao nộp tài liệu chứng cứ, do đó không xem xét trong vụ án, sau này chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của anh Trần Văn N cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt, do đó Tòa án xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Lương Thị L đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DĐ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 15/01/2002 và đã được cấp giấy chứng nhân đăng ký kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cho thấy, sau khi kết hôn anh N và chị L về chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc trong nhiều năm, cả hai thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ khoảng năm 2013, 2014, bắt đầu từ việc mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu, sau đó là mâu thuẫn vợ chồng, do vợ chồng không bảo ban được nhau. Ngoài nguyên nhân trên, anh N khai vợ chồng mâu thuẫn còn do chị L không chăm lo, quán xuyến việc gia đình cũng nhưng không dạy bảo các con, chị L khai do anh N đã bỏ bê vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến có con. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các

đương sự khai về nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cả anh N và chị L đều thừa nhận trên thực tế vợ chồng đã không còn quan tâm hay có trách nhiệm với nhau, khi gặp nhau thường xảy ra cãi vã tranh chấp, anh N đã có hành vi đánh chị L. Tuy chị L có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng, song trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh N vẫn kiên quyết ly hôn. HĐXX xét thấy tình trạng mâu thuẫn của anh N chị L đã trầm trọng, kéo dài, việc hòa giải đoàn tụ không thành, do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh N xử cho anh N và chị L ly hôn là phù hợp quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh, chị có hai chung gồm Trần Văn L, sinh ngày 07/8/2003 và Trần Văn Q, sinh ngày 10/8/2011, cả hai cháu đều khỏe mạnh. Anh N và chị L đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, song HĐXX xét thấy, cháu L đã được Tòa án ghi lời khai và cháu xin được ở cùng mẹ, còn cháu Q do chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không ghi lời khai của cháu, xét nguyện vọng của cả hai và điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh N, chị L đều có công việc, có thu nhập nên cần giao cho mỗi người nuôi một con, cụ thể anh N nuôi cháu Q và chị L nuôi cháu L theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Do mỗi người nuôi một con nên khôn ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản: Anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, chị Lương Thị L có đề nghị Tòa án xem xét về tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã giải thích cho chị Loan về quyền, nghĩa vụ, việc làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, đã ấn định cho chị L thời hạn làm đơn yêu cầu chia tài sản, song chị L không thực hiện, do đó Tòa án không xem xét việc phân chia tài sản chung của vợ chồng anh N, chị L trong vụ án này. Trường hợp sau này chị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: anh Trần Văn N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 28; 35; 39; 70, 71, 72, 147; 235; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn N và chị Lương Thị L ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Văn Q, sinh ngày 10/8/2011, giao cho chị Lương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Văn L, sinh ngày 07/8/2003. Chị L, anh N không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, chị L, anh N đều có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

*Án phí: anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0002156 ngày13/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Giang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Các đương sự;*
-*UBND xã DĐ;*
-*Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng